

Bản án số: 16/2019/HSST
Ngày: 26/6/2019

NHÂN DANH

NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN F, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hoàng Dung

2. Bà Trần Thị Yến.

- Th- ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện F, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/HSST ngày 17/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trịnh Văn A - Sinh ngày 26/01/1993. Tên gọi khác: **Chiềng**; Nơi ĐKNKTT: Thôn **D**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Thôn **D**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Mường; con ông: Trần Văn G và bà Trịnh Thị H; có vợ: Bùi Thị I và 04 con: Lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014, tiền án: Ngày 11/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 về: “ Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về: “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đến ngày 05/12/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; tiền sự: Ngày 09/11/2017 bị Công an xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản. Đến nay chưa thực hiện việc nộp tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/01/2019, đến ngày 27/01/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và bị bắt tạm giam từ ngày 18/3/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn A:

Ông Đặng Văn Dương – Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 2 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người bị hại: 1. Anh Trần Văn **B** - Sinh năm 1998. Vắng mặt

Trú tại: Thôn **D**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá.

2. Anh Trịnh Đình **C** - Sinh năm 1998. Vắng mặt

Trú tại: Thôn **I**, xã **E**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá.

Người làm chứng: Anh Phạm Văn Đường - Sinh năm 1974. Vắng mặt

Trú tại: Làng **K**, xã **L**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/01/2019, Trịnh Văn **A** trú tại thôn **D**, xã **E**, huyện Ngọc nhìn thấy gia đình anh Trần Văn **B** ở cùng thôn không có người ở nhà, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu xài, **A** đi vào nhà lấy trộm được 02 chiếc nồi nhôm cũ (loại nồi quân dụng) đem đi cất giấu ở khu vực bãi mía gần đó. Tuy nhiên, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, **A** đến Công an huyện **F** đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp toàn bộ tài sản đã trộm cắp. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện **F**, kết luận: tài sản 02 chiếc nồi nhôm cũ, có trị giá 154.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 14 giờ 45 phút ngày 17/3/2019 Trịnh Văn **A** tiếp tục trộm cắp 01 con gà mái của gia đình anh Trịnh Đình **C** thôn **I**, xã **E**, huyện **F**. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện **F**, kết luận: tài sản 01 con gà mái, có trị giá là 208.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tài sản đã được trả lại cho các bị hại và không yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự.

Tại bản cáo trạng số 13/CT- VKSNL ngày 16/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **F** truy tố bị cáo: Trịnh Văn **A**(Chiềng) về tội: “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về căn cứ pháp luật và mức hình phạt: VKS đề nghị xét xử đối với bị cáo:

- Căn cứ pháp luật: Điểm a,b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo: Từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

- Về án phí HSST: Bị cáo là cá nhân hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên miễn tiền án phí cho bị cáo **A**.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Những người bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, Tòa án có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện F, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện F, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Trịnh Văn A thừa nhận hành vi: Sáng ngày 24/01/2019 Trịnh Văn A lén lút vào gia đình anh Trần Văn B ở thôn D, xã E, huyện F trộm cắp 02 chiếc nồi nhôm, tài sản có giá trị là 154.000 đồng. Ngày 17/3/2019 Trịnh Văn A tiếp tục trộm cắp 01 con gà của gia đình anh Trịnh Đình C ở thôn I, xã E, huyện F, tài sản có giá trị là 208.000 đồng, tổng tài sản có giá trị là 362.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Tuy tài sản trộm cắp có trị giá dưới 2.000.000 đồng, nhưng ngày 11/4/2018 Trịnh Văn A đã bị Toà án nhân dân huyện F xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 06 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và ngày 09/11/2017 bị Công an xã E, huyện F xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa thực hiện việc nộp tiền phạt, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện F truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Ng- ời bào chữa của bị cáo A đề nghị: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đầu thú và tự nguyện giao nộp tài sản sản trộm cắp; tại phiên tòa hôm nay bị cáo A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thống nhất với lời khai tại giai đoạn điều tra, do bị cáo là cá nhân hộ nghèo, nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A để bị cáo cải tạo tốt sớm trở về hòa nhập với gia đình và trở thành công dân tốt cho xã hội. Quan điểm của người bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo A từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Trịnh Văn A(tên gọi khác: Chiềng) có đủ các dấu hiệu cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và khung hình phạt đ- ọc quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] *Xét tính chất vụ án:* Trong vụ án này bị cáo lợi dụng lúc chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của ng-ời bị hại và nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội: Trộm cắp tài sản và tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, 01 tiền sự hành vi: Trộm cắp tài sản, bị cáo không chịu cải sửa mà tiếp tục phạm tội cùng loại, thể hiện bị cáo có thái độ xem thường pháp luật. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ng-ời khác, gây mất trật tự trị an chung, nên cần phải đ-ọc xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

Với tính chất của vụ án thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Khi l-ợng hình cần áp dụng điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa giao nộp lại tài sản trộm cắp. Ngoài ra, do bị cáo phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] *Về phần bồi th-ờng thiệt hại:*

Theo báo cáo của ng-ời bị hại tài sản bị bị cáo chiếm đoạt đã đ-ọc nhận lại, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên công nhận.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo là cá nhân hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, công ăn việc làm không ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về án phí HSST:* Do bị cáo A là cá nhân hộ nghèo theo quy định của Chính Phủ, nên Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn A(tên gọi khác: Chiềng) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

□p dụng: Điểm a,b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn A(tên gọi khác: Chiềng) 09(chín) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 24/01/2019 đến ngày 27/01/2019 là 03 ngày. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù còn lại là 08 tháng 27 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 18/3/2019.

Về phần bồi thường thiệt hại: Công nhận người bị hại đã nhận đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt.

Về án phí HSST: □p dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo A được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận(hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- VKS ND huyện F;
- Chi cục THA DS huyện F;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm